|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  **ĐỀ THAM KHẢO** |  **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II** **NĂM HỌC: 2022 – 2023** **MÔN: NGỮ VĂN 6 – Thời gian 90 phút** |

**HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA:**

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan và tự luận.

- Số câu: 10

+ Đọc hiểu: 6 câu trắc nghiệm, 3 câu hỏi ngắn.

+ Viết: 1 câu

- Số điểm: 10

- Thời gian làm bài: 90 phút.

1. **SỐ CÂU HỎI VÀ ĐIỂM SỐ CHO CÁC CẤP ĐỘ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **T****T** | **Kĩ năng** | **Nội****dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng điểm****(%)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TN****KQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TN****KQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản | 4 câu2,0 đ | - | - | 1 câu1,0 đ | - | 1câu1,0 đ | - | - | 60% |
| Tiếng Việt | 2 câu1,0 đ | - | - | 1 câu1,0 đ | - | - | - | - |
| **2** | **Viết** | Văn tự sự | - | - | - | - | - | - | - | 1 câu4,0 đ | 40% |
| **Tổng số điểm, tỉ lệ** | **3.0 đ, 30%** | **2.0 đ, 20%** | **1.0 đ, 10%** | **4.0 đ, 40%** | **100** |

III. MA TRẬN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội****dung/Đơn**  | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **kiến****thức** |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I.** | **Đọc hiểu** | Tiếng Việt:- Từ mượn, dấu chấm phẩy.- Văn bản và đoạn văn. | **Nhận biết:**- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận.- Xác định từ mượn, các thành phần vị ngữ trong câu.**Thông hiểu:**- Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Xác định công dụng của dấu chấm phẩy.**Vận dụng**:Nêu được bài học về cách nghĩ của cá nhân do văn bản gợi ra. | 6TN | 2 TL | 1TL |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II.** | **Viết** | Văn tự sự | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. |  |  |  | 1TL |
|  | **Tổng** |  | **6TN** | ***2* TL** | ***1* TL** | ***1* TL** |
|  | ***Tỉ lệ %*** |  | ***30 %*** | ***20 %*** | ***10 %*** | ***40%*** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ THAM KHẢO ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II** **NĂM HỌC: 2022 – 2023** **MÔN: NGỮ VĂN 6**Thời gian: 90 phút( không kể thời gian phát đề) |

1. **Phần đọc hiểu:**

 **Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

*Đầu tiên, đó chính là sự thiếu ý thức nghiêm trọng và thờ ơ của người dân. Nhiều người cho rằng những việc mình làm là quá nhỏ bé, không đủ để làm hại môi trường. Một số người lại cho rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của nhà nước, của các cấp chính quyền...trong khi số khác lại nghĩ rằng việc môi trường đã bị ô nhiễm thì có làm gì cũng*"chẳng ăn thua"*, và ô nhiễm môi trường cũng không ảnh hưởng đến mình nhiều. Và chính những suy nghĩ này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc giáo dục cũng như tư duy bảo vệ môi trường của các thế hệ trẻ về sau.*

*Thật vậy, người lớn không làm gương để giáo dục trẻ em, mà minh chứng cụ thể đầu tiên là hành động vứt rác bừa bãi ra môi trường thay vì vứt đúng nơi quy định. Theo quan sát, tại các trường học, chúng tôi nhiều lần chứng kiến phụ huynh đưa con đi học đến cổng trường dừng lại ăn sáng và sau khi ăn xong, thay vì bỏ hộp xôi, hộp bánh, túi nylon vào thùng rác thì họ lại vứt ngay tại chỗ. Mặc dù, các trường học có treo rất nhiều tấm biển, khẩu hiệu cấm xả rác bừa bãi nhưng phụ huynh vẫn thản nhiên xả rác nơi công cộng thì rất khó hình thành ý thức tốt cho thế hệ trẻ.*

*Nói cách khác*, thực trạng ô nhiễm môi trường nước *tại Việt Nam có sự đóng góp rất lớn từ chính ý thức kém của một bộ phận người dân. Tình trạng này thậm chí còn tồi tệ hơn ở các bãi biển tự nhiên. Theo thống kê mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tại Việt Nam rác thải nhựa chiếm 7% tổng lượng chất thải rắn thải ra, tương đương gần 2.500 tấn/ngày. Bạn có biết rằng Việt Nam đang đứng thứ 4 trên thế giới về lượng chất thải nhựa xả ra đại dương hàng năm lên đến 0,28 - 0,73 triệu tấn rác thải nhựa (chiếm 6% toàn thế giới), chỉ đứng sau Trung Quốc, Indonesia và Philippines.*

 *(Nguồn internet)*

1. **Phần trắc nghiệm:**

|  |
| --- |
| **Câu 1**:Văn bản trên thuộc thể loại nào ? |
| A. Truyện  | B. Văn bản thông tin | C. Nghị luận | D. Thuyết minh |
| **Câu 2**: Nghĩa của từ “môi trường” là: |
| A. Tập hợp tất cả các yếu tố tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, ảnh hưởng tới con người và tác động đến các hoạt động sống của con người.B. Nơi sinh sống của con người.C. Nơi sinh sống của các loài vật.D. Nơi sinh sống của con người và muôn loài. |
| **Câu 3**: Trong các từ sau, từ nào được mượn của ngôn ngữ châu Âu? |
| A. Khẩu hiệu | B. Nylon | C. Tấm biển | D. Đại dương |

**Câu 4**: Theo thống kê mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tại Việt Nam rác thải nhựa chiếm:

A. 5%           B. 6%          C. 7%               D. 8%

**Câu 5:** Câu “*Nhiều người cho rằng những việc mình làm là quá nhỏ bé, không đủ để làm hại môi trường”* có mấy thành phần vị ngữ?

1. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 6** : Thực trạng ô nhiễm môi trường nước chủ yếu là do đâu?

A. Ý thức kém của con người

B. Xác động vật phân huỷ

C. Lượng dư thừa thuốc trừ sâu

D. Tai nạn tàu thuyền làm loang dầu

1. **Phần tự luận**

**Câu 1**: Em hãy nêu thông điệp của văn bản trên?

**Câu 2: Hãy nêu công dụng của dấu chấm phẩy trong các câu sau:**

**a. Những cảnh đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.**

**b. Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.**

|  |
| --- |
|  |

**Câu 3:** Từ văn bản trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 đến 6 câu) nêu những việc cần làm mỗi ngày để bảo vệ môi trường nước nơi em đang sinh sống.

1. **Phần viết**

Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân**.**

**-------------- HẾT---------------**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

|  |  |
| --- | --- |
|  **ĐỀ THAM KHẢO** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ Il****NĂM HỌC: 2022 – 2023** **MÔN: NGỮ VĂN 6** Thời gian: 90 phút( không kể thời gian phát đề) |

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- GV vận dụng hướng dẫn chấm phải chủ động, linh hoạt, tránh cứng nhắc, máy móc và phải biết cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể, cần khuyến khích những bài làm thể hiện rõ sự sáng tạo.

- GV cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài, không đếm ý cho điểm, đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I/ Đọc –hiểu****(6.0đ)** | **A. Phần trắc nghiệm**1- C2- A3- B4- B5- B6- A**B. Phần tự luận****Câu 1**: Công dụng dấu chấm phẩy:a: Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.b. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.**Câu 2**: Thông điệp văn bản: **Gợi ý**: Hãy có ý thức trong việc xả rác, bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta…**Câu 3**: - Viết đúng hình thức của một đoạn văn, hướng về những việc làm cụ thể thiết thực: bỏ rác đúng quy định, hạn chế sử dụng túi nylon, xử lí nước thải trước khi thải ra môi trường,phân loại rác… |  **3đ****0.5đ** **0.5đ****1đ****1đ** |
| **II. Phần viết (4đ)** | **YÊU CẦU:*****1. Hình thức, kĩ năng:*** - Làm đúng kiểu bài: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm ***-*** HS viết bài văn đủ 3 phần (MB, TB, KB), biết chia các đoạn cân đối giữa các phần, các ý trong thân bài được sắp xếp hợp lí. - Trình bày bài khoa học, hạn chế tối đa lỗi chính tả, lỗi diễn đạt câu. Lời văn mạch lạc, giàu cảm xúc. *-* Chữ viết, bố cục rõ ràng, trình bày sạch sẽ.***2*. *Về nội dung:***Học sinh có thể trình bày theo nhiều cáchnhưng cần làm rõ các ý cơ bản: ***a. Mở bài:***- Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.- Dùng ngôi thứ nhất để kể.**b. Thân bài:** **-** Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.- Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng.- Kết hợp kể và tả.***c.* Kết bài*.*** Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân | **0,5 đ****3đ****0,5đ** |

 – HẾT -